

Số: 493/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 26 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-BGTVT ngày 10/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 31/TTr-SGTVT ngày 23/3/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này gồm:

1. Công bố Danh mục 06 thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế và 04 thủ tục hành chính bị thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 11/4/2016, Quyết

định số 1675/QĐ-UBND ngày 29/9/2016, Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 (kèm theo danh mục).

2. Phê duyệt 07 Quy trình nội bộ, liên thông và điện tử thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau. Đồng thời, thu hồi, không công khai 09 Quy trình nội bộ, liên thông và điện tử thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 (kèm theo các quy trình).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2020.

1. Thay thế, bãi bỏ 09 thủ tục hành chính cấp tỉnh (STT: 6, 7, 8, 31, 33, 34, 35, 36, 60) tại phần Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1567/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích và thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau.

2. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh) và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công khai, không công khai thủ tục hành chính và các quy trình đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này theo đúng quy định. Hoàn thành xong trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

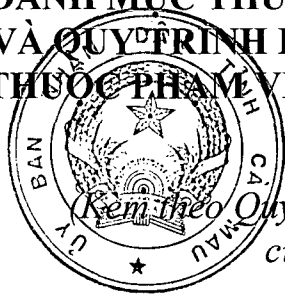
- Như Điều 3 (VIC);
- Cục KSTTHC, VPCP (CDVCQG);
- CT, các PCT UBND tỉnh (VIC);
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (VIC);
- Sở Thông tin và Truyền thông (VIC);
- Các PVP UBND tỉnh (VIC);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (VIC);
- Lưu: VT, CCHC (Đời/31, VIC), L55/3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ SỬA ĐỔI, THAY THẾ, BÃI BỎ
VÀ QUY TRÌNH KHÔNG CÔNG KHAI TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN
TẢI TỈNH CÀ MAU



*(Kèm theo Quyết định số 493 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*


1. Danh mục thủ tục hành chính bị sửa đổi, thay thế, bãi bỏ

a) Danh mục thủ tục hành chính bị sửa đổi

Số TT	Mã TTHC Địa phương	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ văn bản quy định sửa đổi thủ tục hành chính
I.	Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 29/9/2016		
1.	1.000703.00 0.00.00.H12	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2020, Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ)

b) Danh mục thủ tục hành chính bị thay thế

Số TT	Mã TTHC Địa phương	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ văn bản quy định thay thế thủ tục hành chính
I.	Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 11/4/2016		
1.	1.002225.00 0.00.00.H12	Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ
II.	Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 29/9/2016		
2.	1.000309.00 0.00.00.H12	Lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách theo tuyến cố định	
3.	1.000613.00	Cấp phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công	

		–ten- nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt	Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ	
	4.	1.000620.00 0.00.00.H12		Cấp lại phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công - ten- nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt
	5.	1.000629.00 0.00.00.H12		Cấp phù hiệu xe trung chuyển
	6.	1.000637.00 0.00.00.H12		Cấp lại phù hiệu xe trung chuyển
III. Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 22/11/2017				
7.	1.001095.00 0.00.00.H12	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô	Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ	

c) Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

Số TT	Mã TTHC Địa phương	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ văn bản quy định bãi bỏ sung thủ tục hành chính
I. Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 11/4/2016			
1.	1.002194.00 0.00.00.H12	Cấp phù hiệu xe nội bộ	Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ
2.	1.002098.00 0.00.00.H12	Cấp lại phù hiệu xe nội bộ	



2. Danh mục Quy trình nội bộ, liên thông và điện tử thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được thu hồi, không công khai

Số TT	Tên quy trình, thủ tục hành chính
I.	Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 25/4/2019
1.	1.3. Thủ tục: Cấp phù hiệu xe nội bộ
2.	1.4. Thủ tục: Cấp lại phù hiệu xe nội bộ
3.	1.2. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép.
4.	1.24. Thủ tục: Lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách theo tuyến cố định.
5.	1.26. Thủ tục: Cấp phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công –ten- nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt.
6.	1.27. Thủ tục: Cấp lại phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công –ten- nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt.
7.	1.28. Thủ tục: Cấp phù hiệu xe trung chuyển.
8.	1.29. Thủ tục: Cấp lại phù hiệu xe trung chuyển.
9.	1.53. Thủ tục: Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô.

DANH MỤC VÀ NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH CÀ MAU



(Kèm theo) Quyết định số 493 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế

Số TT	Tên thủ tục hành chính
1.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
2.	Đăng ký khai thác tuyến
3.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng
4.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng
5.	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)
6.	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)



PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính được sửa đổi

1. Thủ tục: Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

*1.1. Trình tự thực hiện:

Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đến Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau).

Thời gian tiếp nhận vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

- Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.
- Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Nếu hồ sơ đầy đủ thì lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.
- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện:

Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau:

- Trực tiếp;
- Qua đường bưu điện (bưu chính công ích);
- Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).

1.3. Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải bao gồm:

- + Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;
- + Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;
- + Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp



dùng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử).

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với hộ kinh doanh vận tải gồm:

- + Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;
- + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

1.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.5. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc (cắt giảm 02/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 40%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

1.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện thủ tục hành chính: Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

1.10. Phí, lệ phí: Không.

1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô

- Điều kiện đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách

+ Phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 09 chỗ trở lên (kể cả người lái xe) và có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt có niên hạn sử dụng không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất);



Xe taxi phải có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) và có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất); không sử dụng xe cải tạo từ xe có sức chứa từ 09 chỗ trở lên thành xe ô tô dưới 09 chỗ (kể cả người lái xe) hoặc xe có kích thước, kiểu dáng tương tự xe từ 09 chỗ trở lên để kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất). Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách du lịch và xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất).

- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có sức chứa từ 09 chỗ (kể cả người lái xe) trở lên phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh trên xe (bao gồm cả lái xe và cửa lên xuống của xe) trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:

+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;

+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.

* Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

- Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh của người lái xe trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:

+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;



Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.

1.2. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

PHỤ LỤC I
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ
(Kèm theo Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ)

TÊN ĐƠN VỊ KDVT: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:
do..... cấp ngày.....tháng.....năm.....; Mã số thuế:
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
-
-
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

- Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

II. Thủ tục hành chính được thay thế

1. Thủ tục: Đăng ký khai thác tuyến

1.1. Trình tự thực hiện:

Doanh nghiệp, hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký khai thác tuyến về Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau), nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị.

Thời gian tiếp nhận vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

- Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.
- Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp 1: áp dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021:

+ Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã.

Trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận thông báo sửa đổi, bổ sung của Sở Giao thông vận tải, doanh nghiệp, hợp tác xã phải hoàn thiện và cập nhật đủ hồ sơ. Trường hợp quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận thông báo, doanh nghiệp, hợp tác xã không hoàn thiện, bổ sung đủ hồ sơ thì hồ sơ được coi là không hợp lệ, Sở Giao thông vận tải tiếp tục kiểm tra hồ sơ tiếp theo theo thứ tự thời gian nộp.

+ Đối với tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh:

Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia để lấy ý kiến.

Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Giao thông vận tải được xin ý kiến phải có văn bản trả lời. Trường hợp có doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký khai thác tuyến (trùng tuyến, trùng giờ), Sở Giao thông vận tải được lấy ý kiến thống nhất với Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến để quyết định theo nguyên tắc doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ trước được kiểm tra và xử lý hồ sơ trước theo thứ tự thời gian. Hết thời hạn trên nếu không có văn bản trả lời thì coi như Sở Giao thông vận tải được xin ý kiến đã đồng ý.

Trong thời hạn tối đa 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia, bên xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý;

+ Đối với tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh: Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, bến xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý.

- Trường hợp 2: áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021:

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo trực tiếp trên hệ thống dịch vụ công nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã.

Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận thông báo sửa đổi, bổ sung của Sở Giao thông vận tải, doanh nghiệp, hợp tác xã phải hoàn thiện và cập nhật hồ sơ lên hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận thông báo, doanh nghiệp, hợp tác xã không hoàn thiện, bổ sung đủ hồ sơ thì hồ sơ được coi là không hợp lệ, Sở Giao thông vận tải tiếp tục kiểm tra hồ sơ tiếp theo theo thứ tự thời gian nộp trên hệ thống dịch vụ công;

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) và trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia (đối với tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh), bến xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý.

Trường hợp có nhiều hồ sơ cùng đăng ký trùng tuyến và trùng giờ xuất bến, Sở Giao thông vận tải xử lý hồ sơ theo thứ tự thời gian nộp hồ sơ của doanh nghiệp, hợp tác xã trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, đơn vị nộp trước được kiểm tra, xử lý trước.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Trường hợp áp dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021: Nộp trực tiếp, qua hệ thống bưu điện.

- Trường hợp áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021: Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải (cung cấp theo lộ trình).

1.3. Thành phần hồ sơ:

- Đăng ký khai thác tuyến theo mẫu quy định;
- Bản sao Biên bản thống nhất giữa bến xe hai đầu tuyến với doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia khai thác tuyến (áp dụng đối với trường hợp tuyến mới).

1.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.5. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp 1: Áp dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021:

+ Đối với tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh: Trong thời hạn tối đa 05 ngày (cắt giảm 02/07 ngày, tỷ lệ cắt giảm 28%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký

khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia, bến xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý;

+ *Đối với tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh*: Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc (cắt giảm 01/03 ngày, tỷ lệ cắt giảm 33%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, bến xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý.

- Trường hợp 2: Áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc (cắt giảm 01/03 ngày, tỷ lệ cắt giảm 33%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) và trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia (đối với tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh), bến xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý.

Trường hợp có nhiều hồ sơ cùng đăng ký trùng tuyến và trùng giờ xuất bến, Sở Giao thông vận tải xử lý hồ sơ theo thứ tự thời gian nộp hồ sơ của doanh nghiệp, hợp tác xã trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, đơn vị nộp trước được kiểm tra, xử lý trước.

1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

1.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị).

1.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo đơn vị đăng ký khai thác tuyến thành công.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện thủ tục hành chính: Đăng ký khai thác tuyến.

1.10. Phí, lệ phí: Không.

1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

PHỤ LỤC III
MẪU ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN
(Kèm theo Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ)

TÊN ĐƠN VỊ
KDVT:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
....., ngày tháng năm

ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã KDVT:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại (Fax):

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... do
..... (tên cơ quan cấp)cấp ngày/...../.....

5. Đăng ký(1)..... tuyến: Mã số tuyến:

Nơi đi: Nơi đến:(2)

Bến xe đi: Bến xe đến:(3)

Giờ xe xuất bến tại bến xe đi:giờ.... phút, vào các ngày

Giờ xe xuất bến tại bến xe đến:giờ.... phút, vào các ngày

Số chuyến xe trong ngày/tuần/tháng:

Cự ly vận chuyển:km.

Hành trình chạy xe:

6. Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô (được gửi kèm).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).
- (2) Ghi tên địa danh tỉnh đi, tỉnh đến. Ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).
- (3) Ghi tên bến xe nơi đi và tên bến xe nơi đến.

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

2. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng

2.1. Trình tự thực hiện:

Đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau).

Thời gian tiếp nhận vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

- Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.
- Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Nếu hồ sơ đầy đủ thì lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện:

Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau:

- Trực tiếp;
- Qua đường bưu điện (bưu chính công ích);
- Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).

2.3. Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh, bao gồm:

+ Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu quy định;

+ Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh:

(1) Tên và địa chỉ đơn vị kinh doanh;

(2) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) bao gồm: Số, ngày, tháng, năm, cơ quan cấp;

(3) Người đại diện theo pháp luật;

(4) Các hình thức kinh doanh;

(5) Cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh.

(việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).

- Trường hợp cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng, hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh:

+ Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải:

(1) Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;

(2) Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;

(3) Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử).

+ Đối với hộ kinh doanh vận tải:

(1) Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;

(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Tài liệu chứng minh việc khắc phục vi phạm là nguyên nhân bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh.

2.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.5. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc (cắt giảm 02/05 ngày, tỷ lệ cắt giảm 40%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

2.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

2.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

2.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện thủ tục hành chính: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

2.10. Phí, lệ phí: Không.

2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô

- Điều kiện đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách

+ Phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 09 chỗ trở lên (kể cả người lái xe) và có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt có niên hạn sử dụng không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất);

+ Xe taxi phải có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) và có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất); không sử dụng xe cải tạo từ xe có sức chứa từ 09 chỗ trở lên thành xe ô tô dưới 09 chỗ (kể cả người lái xe) hoặc xe có kích thước, kiểu dáng tương tự xe từ 09 chỗ trở lên để kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất). Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách du lịch và xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất).

- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có sức chứa từ 09 chỗ (kể cả người lái xe) trở lên phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh trên xe (bao gồm cả lái xe và cửa lên xuống của xe) trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:

+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;

+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.

* Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

- Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh của người lái xe trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:

+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;

+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.

2.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

PHỤ LỤC I
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ
(Kèm theo Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ)

TÊN ĐƠN VỊ
KDVT:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

- 1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
- 2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
- 3. Địa chỉ trụ sở:.....
- 4. Số điện thoại (Fax):
- 5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:
do..... cấp ngày.....tháng.....năm.....; Mã số thuế:
- 6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
- 7. Người đại diện theo pháp luật:
- 8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
- 9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
-
-
- 10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

- Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

3. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng

3.1. Trình tự thực hiện:

Đơn vị kinh doanh vận tải nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho doanh nghiệp gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau).

Thời gian tiếp nhận vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

- Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.
- Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Nếu hồ sơ đầy đủ thì lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện:

Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau:

- Trực tiếp;
- Qua đường bưu điện (bưu chính công ích);
- Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).

3.3. Thành phần hồ sơ: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định.

3.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.5. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc (cắt giảm 01/03 ngày, tỷ lệ cắt giảm 33%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

3.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

3.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

3.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện thủ tục hành chính: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

3.10. Phí, lệ phí: Không.

3.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

3.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

PHỤ LỤC I
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ
(Kèm theo Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ)

TÊN ĐƠN VỊ
KDVT:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

- 1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
- 2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
- 3. Địa chỉ trụ sở:.....
- 4. Số điện thoại (Fax):
- 5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:
do..... cấp ngày.....tháng.....năm.....; Mã số thuế:
- 6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
- 7. Người đại diện theo pháp luật:
- 8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
- 9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
-
-
- 10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

- Đơn vị đạt hạng: ... (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

4. Thủ tục: Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)

4.1. Trình tự thực hiện:

Đơn vị kinh doanh vận tải nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho doanh nghiệp gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau).

Thời gian tiếp nhận vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

- Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.
- Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Nếu hồ sơ đầy đủ thì lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả.

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp phù hiệu thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật thông tin trên hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, thực hiện kiểm tra và chỉ cấp phù hiệu khi thiết bị giám sát hành trình của xe đáp ứng đầy đủ các quy định về lắp đặt, truyền dẫn dữ liệu.

Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải cấp hoặc qua đường bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải cấp hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải cấp thực hiện việc xử lý hồ sơ và cấp phù hiệu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải;

- Sở Giao thông vận tải cấp kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các xe ô tô để đảm bảo phương tiện đủ điều kiện kinh doanh vận tải trên hệ thống Đăng kiểm Việt Nam;

- Sở Giao thông vận tải cấp kiểm tra thông tin về tình trạng của phương tiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và hệ thống dữ

liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện theo các trường hợp sau:

Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống thì thực hiện cấp phù hiệu;

Trường hợp phương tiện đã có trên hệ thống, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện gửi thông tin qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải đang quản lý phương tiện để đề nghị xác nhận và gỡ bỏ phương tiện khỏi hệ thống. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải nhận được đề nghị phải trả lời, trường hợp không đồng ý gỡ thông tin của phương tiện phải nêu rõ lý do. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện cấp phù hiệu, biển hiệu sau khi phương tiện được gỡ bỏ khỏi hệ thống.

4.2. Cách thức thực hiện:

Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau:

- Trực tiếp;
- Qua đường bưu điện (bưu chính công ích);
- Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).

4.3. Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định;
- Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

4.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.5. Thời hạn giải quyết:

Giải quyết trong ngày (cắt giảm 01/02 ngày, tỷ lệ cắt giảm 50%), kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Sở Giao thông vận tải cấp kiểm tra thông tin về tình trạng của phương tiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện theo các trường hợp sau:

- + Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống thì thực hiện cấp phù hiệu;
- + Trường hợp phương tiện đã có trên hệ thống, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện gửi thông tin qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải đang quản lý phương tiện để đề nghị xác nhận và gỡ bỏ phương tiện khỏi hệ thống. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận

tải nhận được đề nghị phải trả lời, trường hợp không đồng ý gỡ thông tin của phương tiện phải nêu rõ lý do. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện cấp phù hiệu, biển hiệu sau khi phương tiện được gỡ bỏ khỏi hệ thống.

4.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

4.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

4.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phù hiệu xe.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện thủ tục hành chính: Giấy đề nghị cấp phù hiệu.

4.10. Phí, lệ phí: Không.

4.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

4.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

PHỤ LỤC V

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU
(Kèm theo Nghị định số: 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ)

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị KDVT:
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):
4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tôngày.....tháng....năm..., nơi
cấp.....
- Số lượng phù hiệu, biển hiệu nộp lại:
- Đề nghị được cấp: (1).....
- Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Loại phù hiệu (Tuyến CD, HĐ, DL, taxi, xe tải...)	(*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm)
1							
2							
...							

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

- (1) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.
- (*) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

Ghi chú: Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công.

5. Thủ tục: Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)

5.1. Trình tự thực hiện:

Đơn vị kinh doanh vận tải nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho doanh nghiệp gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau).

Thời gian tiếp nhận vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

- Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.
- Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp phù hiệu thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật thông tin trên hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, thực hiện kiểm tra và chỉ cấp phù hiệu khi thiết bị giám sát hành trình của xe đáp ứng đầy đủ các quy định về lắp đặt, truyền dẫn dữ liệu.

Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải cấp hoặc qua đường bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải cấp hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải cấp thực hiện việc xử lý hồ sơ và cấp phù hiệu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải;

- Sở Giao thông vận tải cấp kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các xe ô tô để đảm bảo phương tiện đủ điều kiện kinh doanh vận tải trên hệ thống Đăng kiểm Việt Nam;

- Sở Giao thông vận tải cấp kiểm tra thông tin về tình trạng của phương tiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện theo các trường hợp sau:

Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống thì thực hiện cấp phù hiệu;

Trường hợp phương tiện đã có trên hệ thống, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện gửi thông tin qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải đang quản lý phương tiện để đề nghị xác nhận và gỡ bỏ phương tiện khỏi hệ thống. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải nhận được đề nghị phải trả lời, trường hợp không đồng ý gỡ thông tin của phương tiện phải nêu rõ lý do. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện cấp phù hiệu, biển hiệu sau khi phương tiện được gỡ bỏ khỏi hệ thống.

5.2. Cách thức thực hiện:

Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau:

- Trực tiếp;
- Qua đường bưu điện (bưu chính công ích);
- Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).

5.3. Thành phần hồ sơ:

- Đối với trường hợp khi hết hạn, khi bị mất hoặc bị hư hỏng, khi thay đổi chủ sở hữu phương tiện hoặc thay đổi đơn vị kinh doanh vận tải, hồ sơ gồm:

- + Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định;
- + Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

- Đối với trường hợp khi bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng, hồ sơ gồm:

- + Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định;
- + Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;
- + Tài liệu chứng minh việc khắc phục vi phạm là nguyên nhân bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng phù hiệu.

5.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.5. Thời hạn giải quyết:

Giải quyết trong ngày (cắt giảm 01/02 ngày, tỷ lệ cắt giảm 50%), kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Sở Giao thông vận tải cấp kiểm tra thông tin về tình trạng của phương tiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện theo các trường hợp sau:

+ Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống thì thực hiện cấp phù hiệu;

+ Trường hợp phương tiện đã có trên hệ thống, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện gửi thông tin qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải đang quản lý phương tiện để đề nghị xác nhận và gỡ bỏ phương tiện khỏi hệ thống. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải nhận được đề nghị phải trả lời, trường hợp không đồng ý gỡ thông tin của phương tiện phải nêu rõ lý do. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện cấp phù hiệu, biển hiệu sau khi phương tiện được gỡ bỏ khỏi hệ thống.

5.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

5.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

5.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phù hiệu xe.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện thủ tục hành chính: Giấy đề nghị cấp phù hiệu.

5.10. Phí, lệ phí: Không.

5.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

5.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

PHỤ LỤC V

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU
(Kèm theo Nghị định số: 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

- 1. Tên đơn vị KDVT:
 - 2. Địa chỉ:.....
 - 3. Số điện thoại (Fax):
 - 4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tôngày.....tháng....năm..., nơi cấp.....
- Số lượng phù hiệu, biển hiệu nộp lại:
- Đề nghị được cấp: (1).....
- Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

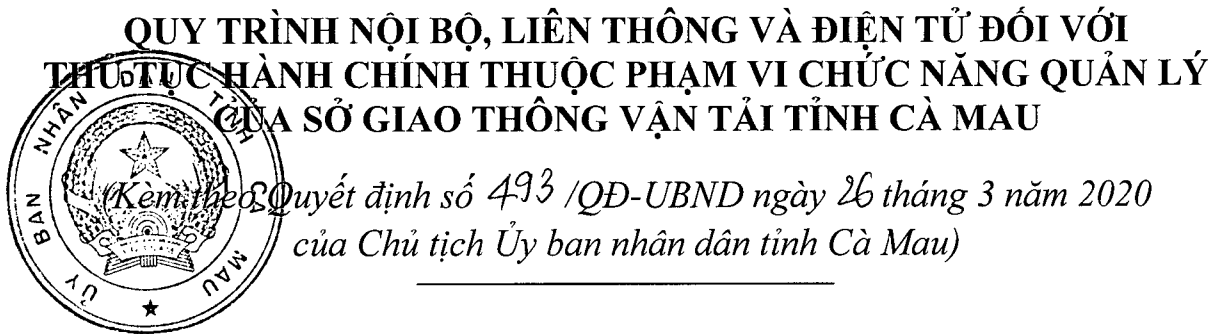
TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Loại phù hiệu (Tuyến CD, HĐ, DL, taxi, xe tải...)	(*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm)
1							
2							
...							

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

- (1) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.
- (*) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

Ghi chú: Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công.



**QUY TRÌNH NỘI BỘ, LIÊN THÔNG VÀ ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH CÀ MAU**

*(Kèm theo Quyết định số 493 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

I. CẤP TỈNH

I.1. Lĩnh vực Đường bộ thực hiện theo cơ chế một cửa

1.1. Thủ tục: Đăng ký khai thác tuyến

a) Thời gian giải quyết:

- **Trường hợp 1: Áp dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021:**

+ Đối với tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh: Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Đối với tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh: Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Trường hợp 2: Áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.





1.2. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

+ **Đối với 01 quy trình có thời hạn giải quyết trong 05 ngày làm việc**

Số TT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0,25 ngày làm việc
2.	Lãnh đạo phòng phân công xử lý		Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	0,25 ngày làm việc
3.	Chuyên viên xử lý hồ sơ		Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	3,5 ngày làm việc

5.	Lãnh đạo phòng trình ký		Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	0,5 ngày làm việc
6.	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt		Lãnh đạo đơn vị	0,25 ngày làm việc
7.	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống		Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc
8.	Trả kết quả		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

+ Đối với 03 quy trình có thời hạn giải quyết trong 02 ngày làm việc

Số TT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0,25 ngày làm việc
2.	Lãnh đạo phòng phân công xử lý		Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	0,25 ngày làm việc
3.	Chuyên viên xử lý hồ sơ		Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	0,75 ngày làm việc
5.	Lãnh đạo phòng trình ký		Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	0,25 ngày làm việc
6.	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt		Lãnh đạo đơn vị	0,25 ngày làm việc
7.	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống		Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc
8.	Trả kết quả		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày



1.3. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

Số TT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0,25 ngày làm việc
2.	Lãnh đạo phòng phân công xử lý		Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	0,5 ngày làm việc
3.	Chuyên viên xử lý hồ sơ		Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	0,1 ngày làm việc
5.	Lãnh đạo phòng trình ký		Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	0,5 ngày làm việc
6.	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt		Lãnh đạo đơn vị	0,5 ngày làm việc
7.	Văn thư ghi sổ, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống		Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc
8.	Trả kết quả		Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.4. Thủ tục: Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)

1.5. Thủ tục: Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)

a) Thời gian giải quyết: Giải quyết trong ngày (cắt giảm 01/02 ngày, tỷ lệ cắt giảm 50%), kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định.

THỦ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn



b) Quy trình giải quyết:

STT	Nội dung công việc	Chuyển đến	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian thực hiện
1.	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	↙	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0,25 ngày làm việc
2.	Lãnh đạo phòng phân công xử lý	↙	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Chuyển ngay
3.	Chuyên viên xử lý hồ sơ	↙	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	0,25 ngày làm việc
5.	Lãnh đạo phòng trình ký	↙	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	0,25 ngày làm việc
6.	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	↙	Lãnh đạo đơn vị	0,25 ngày làm việc
7.	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	↙	Văn phòng Sở	Xử lý ngay
8.	Trả kết quả	↙	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

Lưu ý: Để đảm bảo việc trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo phiếu hẹn, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính liên thông/không liên thông chủ động chuyển, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trước 01 buổi.

Tổng số có 07 quy trình thủ tục hành chính được phê duyệt./.



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI CÓ THỰC HIỆN VÀ KHÔNG THỰC HIỆN TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH VÀ TRUNG TÂM GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thủ tục hành chính			
		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh	
		Có	Không	Có	Không
I	CẤP TỈNH	06	0	06	0
*	Lĩnh vực Đường bộ				
1.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	X		X	
2.	Đăng ký khai thác tuyến	X		X	
3.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng	X		X	
4.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	X		X	
5.	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	X		X	



6.	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	X		X	
----	--	---	--	---	--

Tổng số danh mục có 06 thủ tục hành chính./.